



DOI:10.22144/ctujos.2024.291

MỘT SỐ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG HOẠT ĐỘNG TRAO ĐỔI SINH VIÊN CỦA KHOA SƯ PHẠM, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Đình Minh Quang¹, Lê Thị Bảo Ngọc², Trần Thị Mừng³, Lâm Quốc Anh⁴ và Huỳnh Anh Huy^{2*}

¹Bộ Môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

²Bộ Môn Sư phạm Vật lý, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

³Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

⁴Bộ Môn Sư phạm Toán học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): hahuy@ctu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 02/01/2024

Sửa bài (Revised): 22/02/2024

Duyệt đăng (Accepted): 26/02/2024

Title: Advantages and difficulties in student exchange activities of the School of Education, Can Tho University

Author(s): Đình Minh Quang, Lê Thị Bảo Ngọc, Trần Thị Mừng, Lâm Quốc Anh and Huỳnh Anh Huy*

Affiliation(s): Can Tho University

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục đích đánh giá hiện trạng thuận lợi và khó khăn trong hoạt động trao đổi sinh viên đối với sinh viên Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ để từ đó đề xuất việc xây dựng kế hoạch trao đổi sinh viên với các trường đại học ngoài nước nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ cho sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy: để xây dựng chương trình trao đổi sinh viên ngày càng tốt hơn và hiệu quả hơn cần phải nắm bắt được những thuận lợi mà sinh viên sẽ đạt được sau chuyến đi. Bên cạnh đó còn phải khắc phục những khó khăn phát sinh trong suốt chuyến đi học tập nhằm tạo ra một kết quả tốt cho quá trình trao đổi cũng như tăng hiệu quả cho việc tổ chức hoạt động trao đổi sinh viên sau này của các trường đại học.

Từ khóa: Đại học Cần Thơ, hoạt động trao đổi, hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế, sinh viên quốc tế

ABSTRACT

This research was carried out with the aim of assessing the benefits and challenges in student exchange activities for students of the School of Education, Can Tho University in order to propose the an effective student exchange program with foreign universities to improve students professional capacity. The survey results show that to improve this program and make it more effective, it is necessary to grasp the advantages that students could achieve on the trip. In addition, it is important to overcome difficulties arising during the study trip to create a good result for the exchange program as well as enhance the effectiveness for the organization of student exchange activities of universities.

Keywords: Can Tho University, exchange activities, international student, international student exchange activities

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh xã hội ngày nay, người ta hay nhắc nhiều đến khái niệm toàn cầu hóa hay quốc tế

hóa. Toàn cầu hóa hay quốc tế hóa là thuật ngữ dùng chỉ những thay đổi trong xã hội và nền kinh tế của một quốc gia trong tương quan với các quốc gia khác trên thế giới. Quốc tế hóa cũng được hiểu

tương tự như vậy, là quá trình hội nhập và phát triển của các dân tộc, các nước trên thế giới trong điều kiện có sự liên kết, sẻ chia và hợp tác lẫn nhau. Xu hướng quốc tế hóa giáo dục Đại học ngày nay đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên khắp thế giới. Ở Việt Nam, vấn đề sinh viên học tập ở các cơ sở giáo dục quốc tế và người nước ngoài học tập tại Việt Nam được hướng dẫn cụ thể tại thông tư 10/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 11 tháng 4 năm 2014 về quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016 – 2020 và Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021 đã nêu rõ: “Các cơ sở giáo dục đại học chủ động mở rộng hợp tác quốc tế, phát triển các chương trình hợp tác trao học bổng ngắn hạn, dài hạn để gửi các giảng viên, cán bộ nghiên cứu, sinh viên đi đào tạo, thực tập, nghiên cứu, ở các cơ sở giáo dục tiên tiến của ngoài”. Chính vì thế, năm 2017 Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ ban hành Quyết định số 770/QĐ-ĐHCT về Quy chế sinh viên học tập nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế, tạo cơ hội làm việc cho người học (Trường Đại học Cần Thơ, 2017). Là một trong những đơn vị trực thuộc của Trường Đại học Cần Thơ, Khoa Sư Phạm đã và đang tiếp tục xây dựng và phát triển các chương trình, dự án hợp tác với các trường và tổ chức quốc tế nhằm tăng cường sự hiểu biết, trau dồi kiến thức trong lĩnh vực khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, sinh viên và nghiên cứu khoa học.

Hiện nay việc “Trao đổi sinh viên Quốc tế” đang ngày càng diễn ra mạnh mẽ tại các trường đại học nói chung và Trường Đại học Cần Thơ nói riêng, cụ thể là khoa Sư phạm của Trường Đại học Cần Thơ. Do nhu cầu hội nhập quốc tế nên đòi hỏi các trường đang ráo riết để thực hiện các hoạt động trao đổi nhằm mang lại nhiều lợi ích cho khoa và các sinh viên tham gia hoạt động, tạo nên sự phát triển song hành, giao thoa giữa các quốc gia với nhau. Việc tham gia trao đổi sinh viên quốc tế đa phần mang đến cho sinh viên nhiều thuận lợi song vẫn tồn tại những khó khăn trong suốt quá trình tham gia hoạt động trao đổi. Khảo sát được thực hiện với sự tham gia của 34 sinh viên và cựu sinh viên của Khoa Sư phạm Trường Đại học Cần Thơ, bao gồm 23,3% nam và 76,7% nữ, trong đó các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau của khoa. Từ số liệu khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên thuộc khối ngành Khoa học Tự nhiên (KHTN) chiếm phần trăm lớn nhất 67,5%, tiếp theo là khối ngành Khoa học Xã hội

(KHXH) 25%, và thấp nhất là ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) 7,5%.

Trong nghiên cứu *Tăng cường trao đổi sinh viên quốc tế và giải pháp chính sách* của Nguyễn Ngọc Tân, Đại học Hà Nội cho thấy được những ưu và nhược điểm của việc trao đổi sinh viên dưới góc nhìn của người học. Sinh viên tham gia các chương trình trao đổi thường cảm thấy yêu thích và được hưởng lợi từ chương trình. Nhiều sinh viên cảm nhận rằng những hiểu biết của mình được bồi đắp từ chương trình này. Việc tìm hiểu, quan tâm sâu sắc hơn tới nền văn hóa quốc gia tiếp nhận học trao đổi khiến sinh viên trở nên dễ chấp nhận hơn những khác biệt văn hóa. Về mặt học thuật, sinh viên có thể lựa chọn các môn học đa dạng tại trường tiếp nhận, giúp tăng khả năng sẵn sàng hội nhập thị trường việc làm hoặc tham gia bậc học cao hơn, sự tự tin của sinh viên có thể được đặc biệt nâng cao khi học ở nước ngoài. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có tồn tại những nhược điểm của quá trình tham gia học tập dưới góc nhìn của người học như là những khó khăn về hành chính, chẳng hạn như yêu cầu về thị thực, thủ tục hành chính của trường đại học hoặc khó khăn đối với công nhận môn học tương đương cũng có thể ngăn cản sinh viên tham gia chương trình trao đổi. Các quốc gia gặp khó khăn trong việc thu hút sinh viên trao đổi nên dành nhiều nỗ lực hơn nữa để giảm bớt những vấn đề như vậy. Thủ tục hành chính rườm rà của trường tiếp nhận cũng nên được giảm đi nếu trường muốn nỗ lực thu hút sinh viên, và cũng giúp ích cho cả sinh viên trong nước. Các quốc gia gặp khó khăn trong việc thu hút sinh viên trao đổi cũng nên xem xét nới lỏng các yêu cầu về thị thực và giấy phép cư trú cho sinh viên trao đổi. Bên cạnh đó những vấn đề phát sinh như rào cản về văn hóa, về ngôn ngữ, thức ăn, chỗ ở cũng là những nhược điểm cho quá trình tham gia học tập của sinh viên.

Bên cạnh đó, khi nghiên cứu về “*Nhận thức của cán bộ quản lý về tầm quan trọng của hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế Trường Đại học Cần Thơ*” cũng đã thể hiện được những lợi ích đạt được của sinh viên sau khi tham gia học tập ngắn hạn nước ngoài (Oanh và ctv., 2021). Nghiên cứu cho thấy hoạt động trao đổi sinh viên (SV) quốc tế mang lại lợi ích “rèn luyện cho SV thói quen làm việc trong môi trường đa văn hóa”. Hoạt động này không chỉ giúp SV “cải thiện khả năng giao tiếp tiếng Anh, phát triển kỹ năng mềm hữu ích” mà còn giúp SV “rèn luyện thói quen làm việc trong môi trường chuyên nghiệp” và “có cơ hội tự đánh giá và hoàn thiện bản thân để tăng cường khả năng tự học và tự học suốt đời”. Những nghiên cứu trên cho thấy: hoạt động trao đổi SV mang lại nhiều lợi ích cho SV sau

khi tham gia. Tuy nhiên trong quá trình tham gia vẫn phát sinh những khó khăn vốn có về văn hóa, ngôn ngữ,... Những vấn đề đó phải được khắc phục để quá trình trao đổi diễn ra hiệu quả hơn trong tương lai.

Kể từ năm 2016 cho đến nay, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ đã tổ chức được cho 90 sinh viên đi học tập tại các nước trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á nhằm tạo cơ hội cho sinh viên của Khoa được học tập, cũng như tăng cường các kỹ năng giảng dạy trong môi trường quốc tế. Những hoạt động trao đổi sinh viên, học tập ngắn hạn ở nước ngoài là một cơ hội tốt để sinh viên của khoa phát triển nhận thức về sự giao thoa văn hóa, khả năng thích nghi và sẵn sàng tiếp thu những cái mới hơn; hiểu biết về những vấn đề có tính sâu rộng mà thế giới hiện nay đang quan tâm và rèn giũa cho sinh viên những tính cách cần có của một công dân toàn cầu. Tuy nhiên, chương trình trao đổi sinh viên ở các trường đại học nói chung và sinh viên của Khoa Sư Phạm, Trường Đại học Cần Thơ nói riêng vẫn chưa thực sự phổ biến. Vậy nguyên nhân của việc này là do đâu? Và những thuận lợi và khó khăn mà sinh viên của Khoa Sư Phạm, Trường Đại học Cần Thơ nói riêng vẫn chưa thực sự phổ biến. Vậy đâu là nguyên nhân? Những thuận lợi và khó khăn mà sinh viên của Khoa Sư Phạm, Trường Đại học Cần Thơ thường gặp phải là gì? Cũng chính vì lý do đó, đề tài “*Một số thuận lợi và khó khăn trong hoạt động trao đổi sinh viên của Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ*” được thực hiện để góp phần trả lời những câu hỏi trên. Kết quả của đề tài này là cơ sở để đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động trao đổi sinh viên ngắn hạn để từ đó đề xuất những biện pháp để xây kế hoạch đưa sinh viên đi học tập ngắn hạn ở nước ngoài cũng như tiếp nhận sinh viên nước ngoài một cách hiệu quả.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng hai phương pháp chính là nghiên cứu lý thuyết và khảo sát.

– **Phương pháp nghiên cứu lý thuyết:** Phương pháp được áp dụng để phân tích dữ liệu nhằm phát triển cơ sở lý thuyết như phân loại, mã hóa, so sánh (Glaser et al., 1968). Từ đó, những nội dung, chủ đề liên quan với nhau được tìm kiếm và diễn giải hình thành cơ sở lý thuyết mới. Các tài liệu được tổng hợp chủ yếu từ các tạp chí khoa học có uy tín, nội dung xoay quanh các hoạt động trao đổi sinh viên. Các văn bản ban hành quy chế quản lý công dân Việt Nam học tập ở nước ngoài, Quyết định 777/QĐ-ĐHCT ngày 26 tháng 3 năm 2015 ban hành Quy định tiếp nhận và đào tạo sinh viên nước ngoài đến học tập nghiên cứu tại Trường Đại học

Cần Thơ (Trường Đại học Cần Thơ, 2015) và Quyết định 770/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 3 năm 2017 ban hành Quy chế cử sinh viên đi học tập ở nước ngoài (Trường Đại học Cần Thơ, 2017) đã được tham khảo và chọn lọc. Các nội dung trên là cơ sở lý thuyết để tiến hành khảo sát thực tế tại Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ.

– **Phương pháp điều tra khảo sát:** Phương pháp được vận dụng để tiến hành khảo sát 34 sinh viên và cựu sinh viên Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ đã từng tham gia hoạt động trao đổi sinh viên với đối tác nước ngoài trong 5 năm gần đây vào tháng 11/2023. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5 (1. Hoàn toàn không hài lòng; 2. Không hài lòng; 3. Bình thường; 4. Hài lòng; 5. Hoàn toàn đồng ý/Rất quan trọng) (Likert, 1932; Narli, 2010; Yavuz et al., 2013). Thông kê toán học và số liệu được xử lý bằng bảng phần mềm SPSS v21.

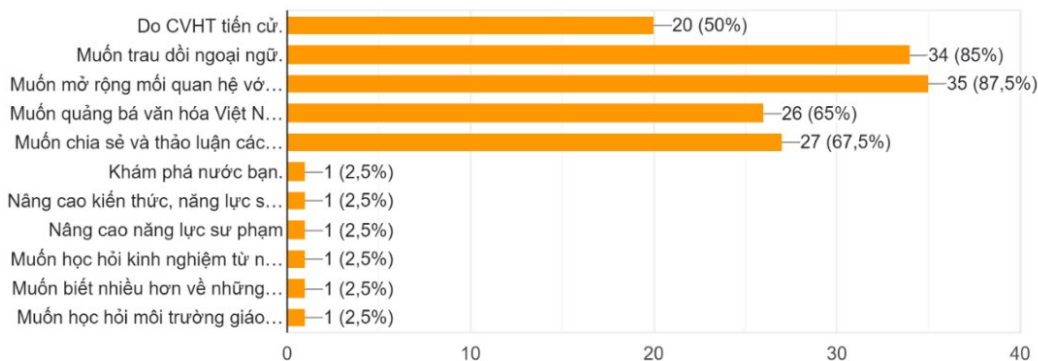
3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng trao đổi sinh viên ngắn hạn tại nước ngoài của Trường Đại học Cần Thơ

3.1.1. Về lý do sinh viên lựa chọn tham gia chương trình học tập ngắn hạn tại nước ngoài

Nhìn chung có rất nhiều lý do để sinh viên quyết định tham gia học tập ngắn hạn, qua quá trình khảo sát đã thu được số liệu về những lý do để sinh viên quyết định lựa chọn tham gia học tập ngắn hạn tại nước ngoài (Hình 1).

Từ số liệu khảo sát thấy phần lớn lý do sinh viên lựa chọn tham gia chương trình vì lý do muốn mở rộng mối quan hệ với sinh viên quốc tế (87,5%), tiếp theo là muốn trau dồi ngoại ngữ (85%), muốn chia sẻ và thảo luận các vấn đề có liên quan trong chương trình (67,5%), muốn quảng bá văn hóa Việt Nam (65%), do cô vẫn học tập (CVHT) tiến cử (50%). Bên cạnh đó còn có các ý kiến khác như: khám phá nước bạn, nâng cao năng lực sư phạm (2,5%), muốn học hỏi thêm kinh nghiệm từ nước bạn, giao lưu văn hóa (2,5%), muốn biết nhiều hơn về những nước đó (2,5%), muốn học hỏi môi trường giáo dục của nước bạn (2,5%). Như vậy, lý do mà sinh viên lựa chọn khi tham gia chương trình học tập ngắn hạn nước ngoài là muốn mở rộng mối quan hệ với sinh viên quốc tế và trau dồi ngoại ngữ.



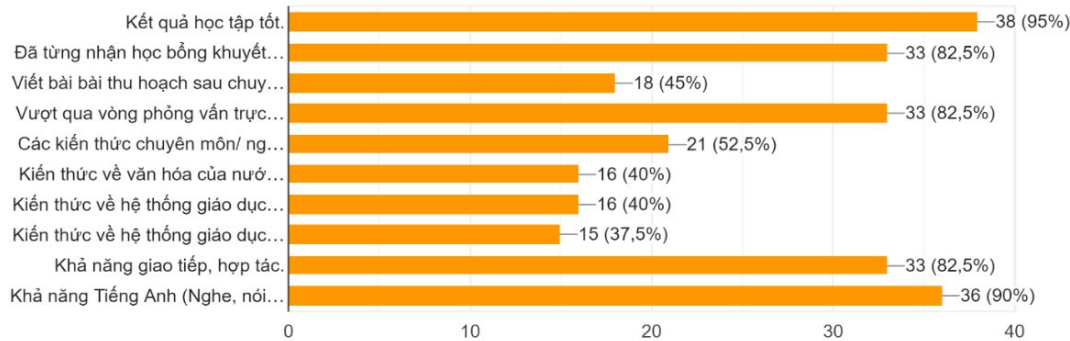
Hình 1. Lý do sinh viên lựa chọn tham gia chương trình học tập ngắn hạn tại nước ngoài

3.1.2. Điều kiện để sinh viên tham gia trao đổi sinh viên nước ngoài

Theo quy định của Khoa Sư phạm để tham gia được chương trình trao đổi sinh viên đòi hỏi phải có các điều kiện chủ yếu, đó cũng là tiền đề để tìm kiếm những sinh viên có đầy đủ năng lực để có thể tham gia vào chương trình. Qua khảo sát các sinh viên đã thu được số liệu như Hình 2.

Theo số liệu thu được kết quả học tập tốt vẫn là điều kiện tiên quyết đầu tiên với 95%, khả năng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) chiếm tỉ lệ 90%, đã từng nhận học bổng khuyến khích ít nhất một học kỳ trước đây chiếm 82,5%, vượt qua vòng phỏng

vấn trực tiếp với 82,5%, khả năng giao tiếp, hợp tác chiếm 82,5%, viết bài thu hoạch sau chuyến đi (45%), các kiến thức chuyên môn/nghề nghiệp mà bạn đang học (52,5%), kiến thức về văn hóa của nước bạn đang đến (40%), kiến thức về hệ thống giáo dục của nước mà Việt Nam (40%), kiến thức về hệ thống giáo dục của nước mà bạn sẽ đến (37,5%). Vậy điều kiện quan trọng nhất để tham gia học tập ngắn hạn là phải có kết quả học tập tốt và khả năng tiếng Anh là chiếm ưu thế. Bên cạnh đó, các kiến thức về văn hóa giáo dục cũng tương đối quan trọng.



Hình 2. Điều kiện để sinh viên tham gia trao đổi sinh viên tại nước ngoài

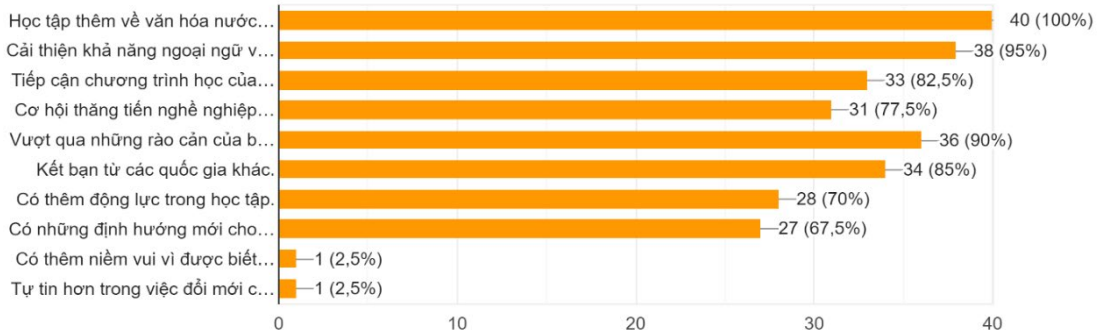
3.2. Thuận lợi của chương trình trao đổi sinh viên

Việc tham gia hoạt động trao đổi sinh viên đa phần sẽ mang lại những lợi ích cần thiết cho sự phát triển của mỗi sinh viên, những kinh nghiệm của bản thân cũng như những điều mới. Thông qua quá trình thu thập số liệu sau khảo sát về “Lợi ích của chương trình trao đổi sinh viên” cho thấy rằng rất nhiều những lợi ích mà sinh viên bản thân mình đã đạt được thông qua những chuyến đi học tập ngắn hạn (Hình 3).

Trong đó lợi ích học tập thêm về văn hóa nước bạn (100%), cải thiện khả năng ngoại ngữ và các kỹ năng khác (giao tiếp, làm việc nhóm,...) (95%), vượt qua những rào cản của bản thân để tự tin hơn (90%), kết bạn từ các quốc gia khác (85%), tiếp cận chương trình học của nước bạn (82,5%), cơ hội thăng tiến nghề nghiệp trong tương lai và phát triển năng lực của bản thân (77,5%), có thêm động lực trong học tập (70%), có những định hướng mới cho bản thân (67,5%), Có thêm niềm vui vì được biết được thấy những điều trước giờ mình chưa từng thấy, thấy được giá trị và cơ hội học tập (2,5%), tự

tin hơn trong việc đổi mới cách dạy và học của bản thân (2,5%). Từ đó, ta thấy rằng khi tham gia trao đổi sinh viên giúp sinh viên học tập thêm về văn hóa nước bạn và cải thiện khả năng ngoại ngữ và các kỹ

năng khác. Bên cạnh đó, khi tham gia hoạt động trao đổi sinh viên chưa thực sự giúp các bạn tự tin hơn trong việc đổi mới cách dạy học của bản thân.



Hình 3. Lợi ích của chương trình trao đổi sinh viên

3.3. Mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài

3.3.1. Theo bản thân sinh viên

Với câu hỏi mức độ hài lòng của sinh viên về “Chương trình trao đổi sinh viên nước ngoài” ở khía cạnh bản thân sinh viên, qua số liệu thống kê và sử dụng phép thử Mann-Whitney U Test để so sánh hai trung bình theo giới tính. Kết quả so sánh cho thấy không có giá trị nào $\geq 3,2$. Điều đó chứng tỏ rằng ở

cả sinh viên nam và nữ đều cảm thấy hài lòng cho đến rất hài lòng với chương trình trao đổi sinh viên. Song, ta vẫn thấy được sự chênh lệch mức độ giữa hai giới tính, các bạn sinh viên nam nhìn chung có giá trị cao hơn đồng nghĩa là sự hài lòng cao hơn so với các sinh viên nữ (Bảng 1). Nhưng tổng quát cho thấy được chương trình trao đổi sinh viên nước ngoài vẫn làm cho các bạn cảm thấy hài lòng sau chuyến đi học tập.

Bảng 1. Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài đối với bản thân sinh viên theo giới tính

Mã hóa	Trung bình \pm SE		Mann – Whitney U(Z, P)
	Nam	Nữ	
C151	4,56 \pm 0,18	4,28 \pm 0,14	Z = - 1,02; p = 0,31
C152	4,56 \pm 0,18	4,44 \pm 0,14	Z = - 0,24; p = 0,81
C153	4,33 \pm 0,24	4,32 \pm 0,14	Z = - 0,04; p = 0,97
C154	4,22 \pm 0,22	4,32 \pm 0,15	Z = - 0,47; p = 0,64
C155	3,89 \pm 0,26	3,92 \pm 0,19	Z = - 0,12; p = 0,90
C156	4,44 \pm 0,24	4,20 \pm 0,15	Z = - 0,85; p = 0,40
C157	4,44 \pm 0,18	4,08 \pm 0,14	Z = - 1,34; p = 0,18
C158	4,44 \pm 0,18	4,20 \pm 0,16	Z = - 0,65; P = 0,51
C159	4,56 \pm 0,18	4,24 \pm 0,14	Z = - 1,09; p = 0,27
C1510	4,44 \pm 0,24	4,20 \pm 0,17	Z = - 0,70; p = 0,48
C1511	4,44 \pm 0,24	4,48 \pm 0,12	Z = - 0,00; p = 1,00
C1512	4,44 \pm 0,18	4,44 \pm 0,15	Z = - 0,35; p = 1,72
C1513	4,44 \pm 0,24	4,24 \pm 0,19	Z = - 0,37; p = 0,71
C1514	4,44 \pm 0,24	4,40 \pm 0,15	Z = - 0,09; p = 0,93
C1515	4,22 \pm 0,22	4,20 \pm 0,16	Z = - 0,04; p = 0,97
C1516	4,56 \pm 0,18	4,44 \pm 0,14	Z = - 0,24; p = 0,81

Ghi chú: 1,0 \leq M \leq 1,8 : Rất không hài lòng; 1,8 \leq M \leq 2,4: Không hài lòng; 2,4 \leq M \leq 3,2: bình thường; 3,2 \leq M \leq 4,0: Hài lòng; 4,0 \leq M \leq 5,0: Rất hài lòng.

Xét theo khối ngành, qua số liệu thống kê và sử dụng phép thử Kruskal-Wallis H Test để so sánh 3 trung bình (khối ngành: KHTN, KHXH, GDTH).

Kết quả so sánh cho thấy không có giá trị nào $\geq 3,2$ chứng tỏ các sinh viên ở cả ba khối ngành KHTN, KHXH, GDTH của Khoa Sư Phạm đều cảm thấy hài

lòng cho đến rất hài lòng về chương trình trao đổi sinh viên ở khía cạnh bản thân (Bảng 2). Qua so sánh cho thấy sự chênh lệch của các khối ngành GDTH có giá trị cao nhất, khối ngành KHXH và khối ngành

KHTN. Tuy có sự chênh lệch về số liệu giữa các khối ngành nhưng nhìn chung vẫn chứng tỏ được sự hài lòng của tất cả các sinh viên ở các khối ngành đối với chương trình trao đổi.

Bảng 2. Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài theo khối ngành

Mã hóa	Trung bình±SE			Kruskal-Wallis H (df=2)	
	KHTN	KHXH	GDTH	X ²	p
C151	4,39±0,14	4,13±0,23	4,67±0,33	1,89	0,39
C152	4,43±0,15	4,50±0,19	4,67±0,33	0,23	0,89
C153	4,35±0,13	4,38±0,26	4,00±0,58	0,57	0,75
C154	4,30±0,16	4,13±0,23	4,67±0,33	1,43	0,49
C155	3,78±0,20	4,13±0,23	4,33±0,67	1,56	0,46
C156	4,22±0,17	4,25±0,25	4,67±0,33	0,91	0,63
C157	4,17±0,15	4,13±0,23	4,33±0,33	0,19	0,91
C158	4,26±0,16	4,25±0,25	4,33±0,67	0,12	0,94
C159	4,35±0,15	4,13±0,23	4,67±0,33	1,63	0,44
C1510	4,17±0,18	4,38±0,26	4,67±0,33	0,97	0,62
C1511	4,39±0,14	4,75±0,16	4,33±0,33	2,25	0,33
C1512	4,30±0,16	4,75±0,16	4,67±0,33	2,82	0,24
C1513	4,09±0,21	4,75±0,16	4,67±0,33	3,20	0,20
C1514	4,30±0,17	4,75±0,16	4,33±0,33	2,03	0,36
C1515	4,22±0,17	4,25±0,25	4,00±0,58	0,21	0,90
C1516	4,39±0,15	4,63±0,18	4,67±0,33	0,74	0,69

3.3.2. Đánh giá thái độ của sinh viên đối với quản lý của trường chủ quản

Mức độ hài lòng của sinh viên theo giới tính về trường chủ quản (Bảng 3).

Bảng 3. Mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài đối với bản thân sinh viên theo giới tính

Mã hóa	Trung bình±SE		Main – Whitney U(Z)
	Nam	Nữ	
C1517	4,22±0,22	4,04±0,19	Z = - 0,34; p = 0,74
C1518	4,56±0,24	4,36±0,13	Z = - 0,94; p = 0,35
C1519	4,56±0,29	4,32±0,19	Z = - 0,93; p = 0,35
C1520	4,33±0,29	4,32±0,15	Z = - 0,15; p = 0,88
C1521	4,00±0,47	4,00±0,19	Z = - 0,43; p = 0,67

Ghi chú: 1,0 ≤ M ≤ 1,8 : Rất không hài lòng; 1,8 ≤ M ≤ 2,4 : Không hài lòng; 2,4 ≤ M ≤ 3,2: bình thường; 3,2 ≤ M ≤ 4,0 : Hài lòng; 4,0 ≤ M ≤ 5,0 : Rất hài lòng

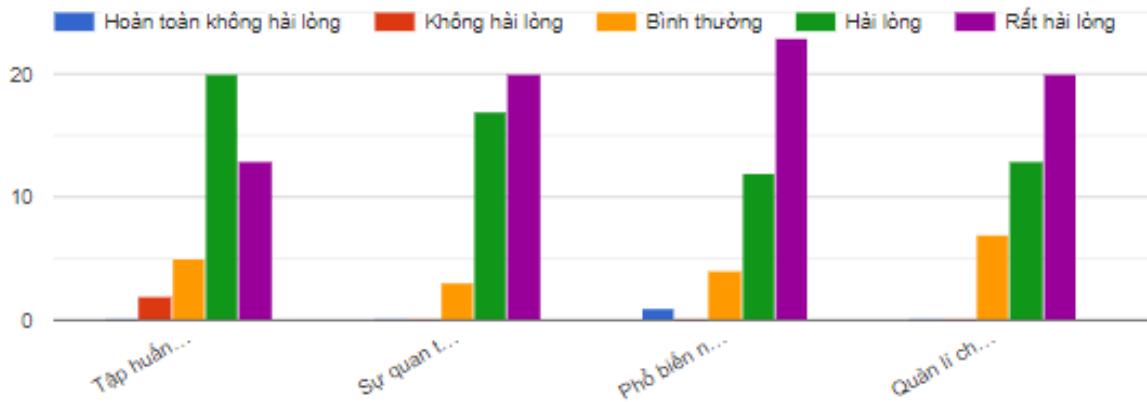
Mức độ hài lòng của sinh viên theo khối ngành về trường chủ quản (Bảng 4).

Kết quả so sánh được theo giới tính và khối ngành đều cho kết quả ≥ 3.2 chứng tỏ hài lòng với sự quản lý của nước chủ quản đối với “Chương trình trao đổi sinh viên”. Kết quả trên đã cho thấy sự chín chu của Khoa Sư Phạm và Trường Đại học Cần Thơ, chính nhờ sự chín chu này đã tạo cho sinh viên sự an tâm về khâu chuẩn bị của nhà trường và khoa cho các bạn trước khi tham gia học tập ngắn hạn nước ngoài.

Bảng 4. Mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài đối với bản thân sinh viên theo khối ngành

Mã hóa	Trung bình±SE			Kruskal-Wallis H (df =2)	
	KHTN	KHXH	GDTH	X ²	p
C1517	4,09±0,20	4,13±0,23	4,00±0,58	0,10	0,95
C1518	4,39±0,15	4,50±0,19	4,33±0,33	0,18	0,91
C1519	4,26±0,22	4,63±0,18	4,67±0,33	0,64	0,73
C1520	4,22± 0,17	4,50±0,27	4,67±0,33	1,43	0,49
C1521	4,00± 0,24	4,00±0,38	4,00±0,58	0,03	0,98

Chú ý: 1,0 ≤ M ≤ 1,8 : Rất không hài lòng; 1,8 ≤ M ≤ 2,4 : Không hài lòng; 2,4 ≤ M ≤ 3,2 : bình thường; 3,2 ≤ M ≤ 4,0 : Hài lòng; 4,0 ≤ M ≤ 5,0 : Rất hài lòng.



Hình 3. Mức độ hài lòng của SV về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài (Quản lý của trường chủ quản)

3.3.3. Đối với quản lý của trường đối tác

Mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài đối với quản lý của

trường đối tác theo giới tính được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. So sánh mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài đối với quản lý của trường đối tác theo giới tính

Mã hóa	Trung bình±SE		Main – Whitney U	p
	Nam	Nữ		
C1522	4,89±0,11	4,44± 0,12	Z = - 2,11	0,03
C1523	4,78±0,15	4,68±0,10	Z = - 0,54	0,59
C1524	4,67±0,17	4,52± 0,12	Z = - 0,61	0,54
C1525	4,44± 0,18	4,44±0,10	Z = - 0,02	0,98
C1526	4,67± 0,17	4,56±0,10	Z = - 0,55	0,58
C1527	4,67± 0,17	4,40± 0,12	Z = - 1,20	0,23
C1528	4,44± 0,24	4,28± 0,16	Z = - 0,54	0,59

Bảng trên cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên nam và nữ về vấn đề này là như nhau.

Mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài đối với quản lý của trường đối tác theo Khối ngành được thể hiện ở Bảng 6.

Với câu hỏi mức độ hài lòng này, qua số liệu thống kê và sử dụng phép thử Mann-Whitney U Test để so sánh hai trung bình theo giới tính và phép thử Kruskal-Wallis H Test để so sánh ba trung bình (khối ngành: KHTN, KHXH, GDTH). Kết quả cho thấy cả nam và nữ đều cảm thấy hài lòng về sự quản lý của trường đối tác đều cho kết quả ≥ 3,2, cùng với đó việc so sánh theo khối ngành cũng cho thấy

tất cả các sinh viên ở các khối ngành KHTN, KHXH, GDTH đều cho kết quả hài lòng đối với sự quản lý của nhà trường. Mặc dù số liệu so sánh có

sự chênh lệch giữa nam và nữ cũng như là ở các khối ngành nhưng vẫn không ảnh hưởng đến kết quả và thể hiện được sự hài lòng của các sinh viên.

Bảng 6. So sánh mức độ hài lòng của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài đối với quản lý của trường đối tác theo khối ngành

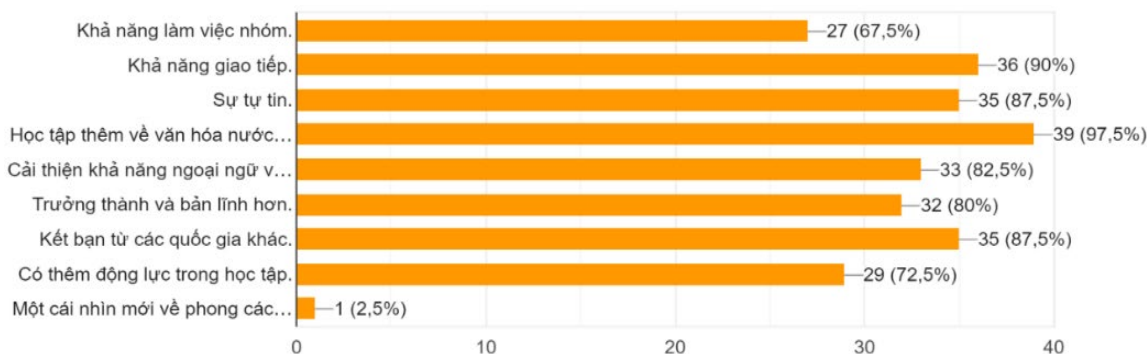
Mã hóa	Trung bình±SE			Kruskal-Wallis H (df =2)	
	KHTN	KHXH	GDTH	X ²	p
C1522	4,61±0,10	4,38±0,26	4,67±0,33	0.68	0.71
C1523	4,70±0,10	4,63±0,18	5,00±0,00	1.47	0.48
C1524	4,61±0,10	4,50±0,19	4,33±0,67	0.29	0.86
C1525	4,43± 0,11	4,38±0,18	4,67±0,33	0.74	0.69
C1526	4,65± 0,10	4,38±0,18	4,67±0,33	1.91	0.39
C1527	4,48± 0,12	4,38± 0,18	4,67± 0,33	0.71	0.70
C1528	4,30± 0,17	4,38± 0,18	4,33±0,67	0.06	0.97

Ghi chú: 1,0 ≤ M ≤ 1,8 : Rất không hài lòng; 1,8 ≤ M ≤ 2,4 : Không hài lòng; 2,4 ≤ M ≤ 3,2 : bình thường; 3,2 ≤ M ≤ 4,0 : Hài lòng; 4,0 ≤ M ≤ 5,0 : Rất hài lòng.

3.4. Kết quả đạt được sau quá trình trao đổi sinh viên

Kết quả đạt được của sinh viên sau quá trình trao đổi sinh viên được thể hiện ở Hình 3. Theo số liệu khảo sát về kết quả đạt được sau quá trình trao đổi sinh viên có tỷ lệ như sau: Học tập thêm về văn hoá nước bạn 97,5%, Khả năng giao tiếp 90%, Kết quả từ các quốc gia 87,5%, Sự tự tin 87,5%, Cải thiện

khả năng ngoại ngữ và các kỹ năng khác (giao tiếp, làm việc nhóm,..) 82,5%, Trưởng thành và bản lĩnh hơn 80%, Có thêm động lực trong học tập 72,5%, Khả năng làm việc nhóm 67,5%, Một cái nhìn mới về phong cách học tập cũng như giảng dạy 2,5%. Những số liệu cho thấy rằng hoạt động trao đổi mang lại cho sinh rất nhiều lợi ích cho bản thân về kiến thức, mối quan hệ, cũng như là sự phát triển cho tương lai.



Hình 3. Kết quả đạt được sau quá trình tham gia trao đổi sinh viên

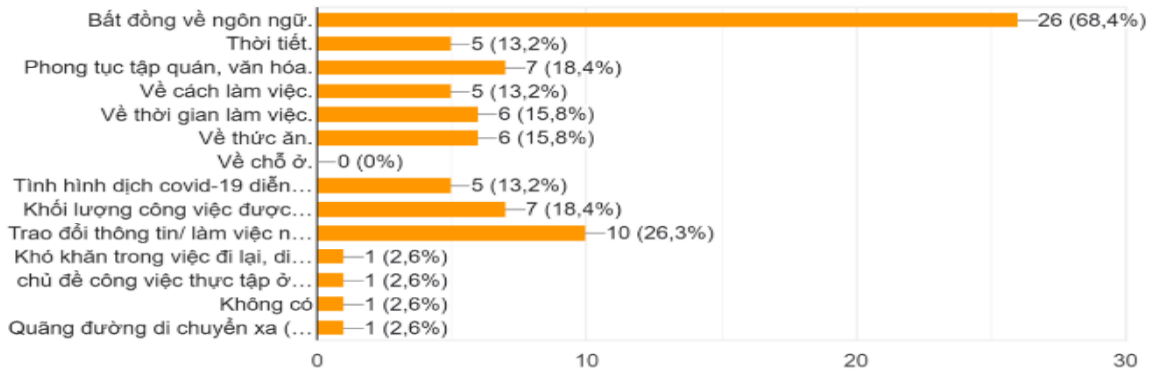
3.5. Khó khăn của sinh viên trong quá trình học tập ngắn hạn nước ngoài

3.5.1. Những khó khăn điển hình

Bên cạnh những lợi ích mà các sinh viên đạt được khi tham gia học tập ngắn hạn thì vẫn còn tồn nhiều khó khăn trong suốt quá trình. Kết quả khảo sát được như Hình 4.

Số liệu thu thập được sau quá trình khảo sát cho thấy rằng sự bất đồng về ngôn ngữ chiếm tỷ lệ lớn nhất 68,4%. Tiếp theo là các khó khăn về trao đổi thông tin/làm việc nhóm (26,3%), phong tục tập quán (18,4%), khối lượng công việc được giao

(18,4%), thời gian làm việc (15,8%), thức ăn (15,8%), thời tiết (13,2%), cách làm việc (13,2%), tình hình Covid-19 diễn ra phức tạp (13,2%). Còn lại các khó khăn trong công việc đi lại, di chuyển, chủ đề công việc thực tập, quãng đường di chuyển đều chiếm tỷ lệ rất ít (2,6%). Qua đó, có thể thấy khó khăn lớn nhất trong suốt quá trình học tập ngắn hạn là sự bất đồng ngôn ngữ, bên cạnh đó còn có những khó khăn về trao đổi thông tin/làm việc nhóm, phong tục tập quán, thức ăn hay thời tiết,... cũng ảnh hưởng đến quá trình mà sinh viên tham gia học tập ngắn hạn.



Hình 4. Kết quả đạt được sau quá trình tham gia trao đổi sinh viên

3.5.2. Mức độ ảnh hưởng của những khó khăn

Mức độ ảnh hưởng khó khăn của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài theo giới tính được thể hiện ở Bảng 6.

Mức độ ảnh hưởng khó khăn của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài theo khối ngành được thể hiện ở Bảng 7.

Bảng 6. So sánh mức độ ảnh hưởng khó khăn của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài theo giới tính

Mã hóa	Trung bình±SE		Main – Whitney U (Z)	p
	Nam	Nữ		
C161	1,67±0,47	2,12± 0,25	- 1,11	0,27
C162	1,67±0,44	2,24±0,28	- 1,06	0,29
C163	1,89±0,48	2,24±0,28	- 1,17	0,24
C164	2,22± 0,52	2,32±0,26	- 0,25	0,80
C165	1,67± 0,47	2,24±0,24	- 1,42	0,16
C166	1,89± 0,48	2,16±0,26	- 0,55	0,58
C167	1,56± 0,38	1,80±0,26	- 0,51	0,61
C168	1,56±0,38	2,00±0,25	- 0,99	0,32
C169	1,11±0,11	1,64±0,23	- 1,16	0,25
C1619	1,44±0,29	1,80±0,24	- 0,78	0,43

Bảng 7. So sánh mức độ ảnh hưởng khó khăn của sinh viên về chương trình trao đổi sinh viên tại nước ngoài theo khối ngành

Mã hóa	Trung bình±SE			Kruskal-Wallis H (df =2)	
	KHTN	KHXX	GDTH	X ²	p
C161	1,91± 0,26	2,13± 0,44	2,33± 1,33	0,26	0,88
C162	2,00± 0,28	2,25± 0,49	2,33±1,33	0,26	0,88
C163	2,00± 0,26	3,13± 0,40	2,33±1,33	4,37	0,11
C164	2,04± 0,27	3,00± 0,33	2,33±1,33	3,45	0,18
C165	1,96± 0,25	2,13± 0,44	3,00±1,15	1,29	0,53
C166	1,91± 0,29	2,50± 0,46	2,33±1,33	1,41	0,49
C167	1,65± 0,25	1,75± 0,41	2,33±1,33	0,40	0,82
C168	1,74± 0,22	2,13± 0,48	2,33±1,33	0,75	0,69
C169	1,39± 0,16	1,50±0,38	2,33±1,33	0,53	0,77
C1610	1,52± 0,19	1,75± 0,41	3,00±1,15	2,95	0,23

Ghi chú: 1.0 ≤ M ≤ 1.8 : Hoàn toàn ảnh hưởng; 1.8 ≤ M ≤ 2.4 : Ảnh hưởng; 2.4 ≤ M ≤ 3.2 : Bình thường; 3.2 ≤ M ≤ 4.0 : Không ảnh hưởng; 4.0 ≤ M ≤ 5.0 : Hoàn toàn không ảnh hưởng

Với câu hỏi mức độ ảnh hưởng của những khó khăn, qua số liệu thống kê và sử dụng phép thử Mann-Whitney U để so sánh hai trung bình theo giới tính và phép thử Kruskal-Wallis H Test để so sánh ba trung bình (khối ngành: KHTN, KHXH, GDTH). Kết quả cho thấy cả nam và nữ đều không có giá trị nào $\geq 3,2$. Vì thế các khó khăn trong chuyến đi học tập ngắn hạn là vấn đề làm ảnh hưởng đến các bạn sinh viên. Bên cạnh đó, so sánh theo khối ngành cũng cho kết quả tương tự. Từ đó, ta thấy quá nhiều khó khăn trong quá trình tham gia học tập ngắn hạn của các bạn sinh viên đã tham gia và học tập ở một môi trường khác, từ đó ta thấy được bên cạnh những thuận lợi đạt được còn có nhiều khó khăn phát sinh trong suốt chuyến đi học tập ngắn hạn.

4. KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Glaser, B. G., Strauss, A. L., & Strutzel, E. (1968). The discovery of grounded theory; strategies for qualitative research. *Nursing research*, 17(4), 364.
<https://doi.org/10.1097/00006199-196807000-00014>
- Oanh, H. T. H., Nguyễn, T. B. P., & Trần, L. (2021). Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý và sinh viên về tầm quan trọng của quản lý hoạt động học tập tại Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 244, 156-157.
- Likert, R. (1932). A technique for the measurement of attitudes. *Archives of psychology*.
- Narli, S., . (2010). An alternative evaluation method for Likert type attitude scales: Rough set data analysis. *Scientific Research and Essays*, 5(6), 519-528.
- Trường Đại học Cần Thơ. (2015). *Quyết định số 777/QĐ-ĐHCT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của*

Kết quả nghiên cứu đối với sinh viên, cựu sinh viên Khoa Sư phạm Trường Đại học Cần Thơ đã từng tham gia hoạt động trao đổi sinh viên tại nước ngoài cho thấy được chương trình này mang lại một số thuận lợi tiêu biểu như giúp sinh viên phát triển được năng lực ngoại ngữ, năng lực giao tiếp và kỹ năng mềm cần thiết. Song song đó, sự khác biệt về văn hóa là một trong những khó khăn tiêu biểu còn tồn tại trong chương trình trao đổi sinh viên. Kết quả này chính là cơ sở để chúng tôi thực hiện nghiên cứu tiếp theo về việc xây dựng kế hoạch đưa sinh viên đi học tập ngắn hạn ở nước ngoài cũng như tiếp nhận sinh viên nước ngoài một cách hiệu quả.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Cần Thơ (Mã số đề tài: T2023-68).

Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành Quy định tiếp nhận và đào tạo sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường Đại học Cần Thơ. Cần Thơ, Việt Nam: Hà Thanh Toàn Retrieved from https://gs.ctu.edu.vn/images/Quy dinh-Quytrinh/Quy dinh Truong/QD_banhanhtiepphanSVNuocngoai.pdf.

- Trường Đại học Cần Thơ. (2017). *Quyết định 770/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc Ban hành Quy chế cử sinh viên đi học tập ở nước ngoài.* Cần Thơ, Việt Nam: Trần Thị Thanh Hiền Retrieved from https://dsa.ctu.edu.vn/images/upload/vbanply/2017/Cong%20van/CapTruong/Q%c4%90_BanhanhQuyche_hoctapnuocngoai_15-3-2017.pdf.
- Yavuz, G., Gunhan, B. C., Ersoy, E., & Narli, S. (2013). Self-efficacy beliefs of prospective primary mathematics teachers about mathematical literacy. *Journal of College Teaching & Learning (TLC)*, 10(4), 279-288.